

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HSST

Ngày 16/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng C Hải và ông Nguyễn Ngọc Luân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đức Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phong, kiểm sát viên.

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST- HS, ngày 04/10/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn T**; sinh ngày: 25/10/1991; tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: C giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Thái H và bà Phan Thị H1; vợ: Nguyễn Thị H2, con 03 đứa (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2023); anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là con thứ 05; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/7/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trần Phi C, sinh năm: 1959; nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1959; nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:* Chị Đặng Thị T1, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Thôn 1, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015 vợ chồng ông Trần Phi C và bà Nguyễn Thị H3 trú tại thôn S, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp 77.088,6m² đất rừng tại khoảnh 1, tiểu khu 29 tại thôn S, xã S (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 367107. Mục đích giao rừng là khoanh nuôi bảo vệ và trồng rừng sản xuất, thời hạn sử dụng 50 năm. Đến năm 2019 ông C, bà H3 chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất trên cho Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị H2 để bảo vệ và phát triển rừng với giá 70.000.000 đồng. Mặc dù biết diện tích rừng mình được giao quản lý, bảo vệ là rừng cấm sẽ phát và khai thác khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng sau một thời gian T thấy diện tích rừng được giao quản lý có giá trị kinh tế thấp nên nảy sinh ý định sẽ phát để trồng cây keo nhanh mang lại kinh tế nên khoảng từ tháng 9/2021, T một mình sẽ phát các loại cây dây leo, cây nhỏ và Giang, Nứa, những cây tự nhiên có đường kính lớn T sử dụng cưa xăng cắt hạ và đốt, đến khoảng cuối tháng 3/2023 thì T sẽ phát xong. Tháng 4/2023 thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện và lập biên bản. Việc T sẽ phát rừng thì ông Trần Phi C, bà Nguyễn Thị H3 và chị Nguyễn Thị H2 không biết.

Ngày 16/5/2023 Hạt kiểm lâm huyện H phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định: Tổng diện tích rừng bị sẽ phát là 4,05 ha (40.500m²); loại rừng quy hoạch sản xuất. Tại hiện trường các loài cây gỗ, cây tái sinh, cây bụi, dây leo bị chặt hạ, phát sẽ, đốt cháy hoàn toàn, còn một số cây gỗ nhỏ bị cắt khúc, cháy bong tróc phần vỏ nằm rải rác khắp hiện trường và phía dưới chân núi; không còn cành, nhánh, tán lá cây, chỉ còn các gốc chặt. Trên diện tích chặt phá đã được trồng keo. Tổng số gốc chặt tại hiện trường là 696 gốc; đường kính gốc chặt bình quân 14,97cm, mật độ bình quân cây gỗ là 172 cây/ha. Tại hiện trường sẽ phát có 121 lóng gỗ cắt ngắn, đường kính từ 10cm đến 16cm khối lượng 2,1m³. Vị trí lô rừng bị chặt phá thuộc thửa số 07, khoảnh 1, tiểu khu 29, thôn S, xã S (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định 607/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, thì rừng thuộc khoảnh 1, tiểu khu 29, thôn S, xã S (nay là xã Q), huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là rừng tự nhiên quy hoạch sản xuất.

** Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KLĐG – HĐĐGTS ngày 13/9/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh kết luận:*

Giá trị của chiếc cưa xăng và chiếc dao phát là 1.250.000 đồng.

** Vật chứng thu giữ:* 121 lóng gỗ cắt ngắn, hiện đang ở hiện trường, giao cho bị cáo Đặng Văn T đang quản lý, bảo vệ.

** Vật chứng chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện H, gồm:*

- 01 Chiếc dao phát chiều dài 93 cm, lưỡi bằng kim loại dài 35 cm, bề rộng nhất lưỡi dao dài 4,2 cm, dao đã qua sử dụng.

- 01 Chiếc cưa xăng màu cam, trên cưa có chữ “H”, lưỡi dao bằng kim loại dài 58 cm, bề ngang chỗ rộng nhất 08cm, đoạn dây xích nối liền nhau dài 66cm, cưa đã qua sử dụng.

* *Về dân sự*: Chị Nguyễn Thị H2 không yêu cầu bị cáo Đặng Văn T phải bồi thường đối với thiệt hại xảy ra.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKS-HS, ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Đặng Văn T về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm a khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Văn T mức án tù từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) tháng 36 (Ba mươi sáu) tháng về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 không có yêu cầu gì về mặt dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: ½ giá trị của 01 chiếc cửa xăng màu cam, trên cửa có chữ “H”, lưỡi dao bằng kim loại dài 58cm, bề ngang chỗ rộng nhất 08cm, đoạn dây xích nối liền nhau dài 66cm, cửa đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 ½ giá trị của 01 chiếc cửa xăng màu cam, trên cửa có chữ “H”, lưỡi dao bằng kim loại dài 58cm, bề ngang chỗ rộng nhất 08cm, đoạn dây xích nối liền nhau dài 66cm, cửa đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 Chiếc dao phát chiều dài 93cm, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, bề rộng nhất lưỡi dao dài 4,2cm, dao đã qua sử dụng.

- Giao cho bị cáo Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị H2 tiếp tục quản lý, sử dụng 121 lóng gỗ cắt ngắn, hiện đang ở hiện trường, giao cho bị cáo Đặng Văn T đang quản lý, bảo vệ.

Bị cáo Đặng Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phi C, bà Nguyễn Thị H3, người làm chứng chị Đặng Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Bị cáo Đặng Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 và đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phi C, bà Nguyễn Thị H3, người làm chứng chị Đặng Thị T1 không ảnh hưởng đến quá trình làm sáng tỏ diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án nên quyết định xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện H và Điều tra viên, Hạt kiểm Lâm huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có tại hồ sơ vụ án; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; phù hợp với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định hành vi Đặng Văn T phát sả 40.500m² rừng là rừng tự nhiên chưa có trữ lượng tại thửa số 7, khoảnh 1, tiểu khu 29 thuộc thôn S, xã Q, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có gì oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng mà còn xâm hại đến sự ổn định bền vững của môi trường sinh thái, môi trường sống của con người được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết được và buộc phải biết hành vi sẽ phát cây rừng tự nhiên một diện tích lớn khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi phạm tội. Tuy nhiên vì động cơ tư lợi cá nhân bị cáo ngang nhiên sẽ phát rừng, chứng tỏ bị cáo bất chấp và coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xét xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét một cách toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] *Tình tiết tăng nặng*: Không.

[6] *Tình tiết giảm nhẹ*: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện nhỏ bỏ các cây keo đã trồng, bị cáo hiến đất để xây dựng nông thôn mới, đóng góp công sức trong đợt dịch Covid 19 nên cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

[7] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo, từ trước tới ngày phạm tội chưa vi phạm pháp luật lần nào, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ không có việc làm, đang nuôi con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo nghiêm và thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Đối với ông Trần Phi C, bà Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, quá trình điều tra xác định Đặng Văn T tự ý sẽ phát rừng trái phép, ông C, bà H3 và chị H2 không biết, quá trình điều tra cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn phạt tiền cho bị cáo.

[11] *Về vật chứng vụ án*:

- 01 chiếc cưa xăng màu cam, trên cưa có chữ “H”, lưỡi dao bằng kim loại dài 58 cm, bề ngang chỗ rộng nhất 08cm, đoạn dây xích nối liền nhau dài 66cm, cưa đã qua sử dụng là C cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên chiếc cưa này là tài sản do bị cáo và vợ là chị Nguyễn Thị H2 tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên cần xác định đây là tài sản chung của bị cáo. Việc bị cáo sử dụng chiếc cưa để thực hiện hành vi phạm tội chị Hoan không biết nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc cưa và trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc cưa là phù hợp.

- 01 Chiếc dao phát chiều dài 93cm, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, bề rộng nhất lưỡi dao dài 4,2cm, dao đã qua sử dụng là C cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm, tuy chiếc dao này là tài sản chung của bị cáo và vợ bị cáo nhưng hội đồng xét xử xét thấy chiếc dao này là vật có giá trị sử dụng thấp, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 121 lóng gỗ cắt ngắn, hiện đang ở hiện trường, giao cho bị cáo Đặng Văn T đang quản lý, bảo vệ. Đây là tài sản thuộc quyền quản lý của bị cáo và chị Nguyễn Thị H2 nên cần giao cho bị cáo và chị Nguyễn Thị H2 quản lý và sử dụng là phù hợp.

[12] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Hủy hoại rừng”.

- *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/10/2023). Giao Đặng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đặng Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án

có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về vật chứng vụ án:

+ Giao cho bị cáo Đặng Văn T và chị Nguyễn Thị H tiếp tục quản lý và sử dụng 121 lóng gỗ cắt ngắn, hiện đang ở hiện trường, giao cho bị cáo Đặng Văn T đang quản lý, bảo vệ.

+ Tịch thu sung C quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị của 01 chiếc cửa xăng màu cam, trên cửa có chữ “H”, lưỡi dao bằng kim loại dài 58cm, bề ngang chỗ rộng nhất 08cm, đoạn dây xích nối liền nhau dài 66cm, cửa đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị H $\frac{1}{2}$ giá trị của 01 chiếc cửa xăng màu cam, trên cửa có chữ “H”, lưỡi dao bằng kim loại dài 58cm, bề ngang chỗ rộng nhất 08cm, đoạn dây xích nối liền nhau dài 66cm, cửa đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc dao phát chiều dài 93cm, lưỡi bằng kim loại dài 35cm, bề rộng nhất lưỡi dao dài 4,2cm, dao đã qua sử dụng.

(Đặc điểm các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2023).

- Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đặng Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phi C, bà Nguyễn Thị H3 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- C an tỉnh Hà Tĩnh (PV 06);
- VKSND huyện H;
- C an huyện H;
- UBND xã Q;
- UBND xã S;
- Cơ quan THAHS C an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Dung

